

Số: 334/2020/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 10 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 538/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Minh K, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Phạm Minh K.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Phạm Minh K. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 01/4/2013 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung: Phạm Quốc T, sinh ngày 14/7/2014. Chị B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi trưởng thành. Anh Phạm Minh K có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 02/12/2020.

Anh Phạm Minh K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Án phí hôn nhân và gia đình + cấp dưỡng nuôi con chung hòa giải thành là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.925.000đ (Bốn triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo các biên lai thu tiền số 0004151 ngày 19 tháng 10 năm 2020 và biên lai thu tiền số 0002850 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ chị B còn nhận lại 4.625.000đ (Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rễn

